TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 14/9/2023 .
V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai
Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng và bà Nguyễn Thị Thu Hà
Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bình – Thư ký Tòa án
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2023/TLST- HNGĐ, ngày 23/5/2023 về việc:Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXX - ST ngày 11/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST – HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1992
HKTT: Thôn Y, xã TS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình
Chỗ ở: Xóm K, xã HT, huyện KB tỉnh Hòa Bình
Bị đơn: Anh Bùi Công H, sinh năm 1991
HKTT: Thôn Y, xã TS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình.

Chị Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bùi Công H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 30/3/2023; Bản tự khai; Biên bản lấy khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Công H kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã S nay là xã TS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình ngày 28/11/2011. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H không chịu làm ăn, chơi bời, đánh đập chị, vợ chồng luôn cãi chửi nhau, không có hạnh phúc. Từ tháng 01/2023 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở xóm K, xã HT, huyện KB, tỉnh Hòa Bình, vợ chồng sống ly thân cho đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh H nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Công H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Bùi Thị Như Y, sinh ngày 29/8/2012 và Bùi Hoàng Nh, sinh ngày 05/4/2015. Hiện tại các con đều đang ở với chị. Nguyện vọng của chị xin được nuôi hai con và không yên cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Bùi Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Công H. Về con chung: Chị xin được nuôi hai con và không yên cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con;Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có – Không đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Công H đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự ; Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập tòa; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không tống đạt được cho anh H. Do không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được, Tòa án đã tiến hành lập biên bản không tống đạt được các văn bản của Tòa án và niêm yết công khai các văn bản theo quy định của pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại biên bản xác minh bà Bùi Thị Ngọc S là mẹ của anh Bùi Công H xác nhận: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Công H kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S (nay là TS), huyện LS. Vợ chồng chị T, anh H sống bình thường. Đến khoảng tháng 01/2023 vợ chồng chị T, anh H có mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là từ sinh hoạt gia đình, dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc và chị T đã đưa hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở KB sinh sống, anh H đi làm vẫn về nhà thường xuyên. Bà đã nhận các văn bản của Tòa án gửi và bà đã giao các văn bản cho anh H, nhưng anh H không có ý kiến gì. Nay chị T xin ly hôn với anh H bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản xác minh chính quyền thôn Y và Công an xã TS, huyện Lương Sơn cho biết: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Công H có đăng ký kết hôn năm 2011. Anh H và chị T có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã TS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống tại địa phương anh H thường hayrượu chè về đánh đập chị T, chị T đã khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi nên chị T đã

bỏ về nhà bố mẹ ở KB sinh sống, anh H đi làm vẫn thường xuyên về nhà. Chính quyền đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho anh H nhưng không giao được cho anh H nên đã giao lại cho bà Sinh là mẹ đẻ anh H. Nay chị T có đơn ly hôn với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến nay. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm; Nguyên đơn chấp hành tốt quy định pháp luật trong tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 179; Điều 227; điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Công H.

Về con chung: Giao chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con Bùi Thị Như Y, sinh ngày 29/8/2012 và Bùi Hoàng Nh, sinh ngày 05/4/2015 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Tchưa yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị T, anh H đều có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1].**Về tố tụng**:

Thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện đối với anh Bùi Công H về việc xin ly hôn nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Bị đơn anh

Bùi Công H có hộ khẩu thường trú tại xã TS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình nên thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Công H đã được triệu tập hợp lệ để tự khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Huynh vắng mặt không có lý do. Tòa án đã xác minh tại gia đình và nơi cư trú của anh Bùi Công H, tiến hành niêm yết và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 28/8/023 nguyên đơn có mặt, bị đơn anh Bùi Công H vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập và niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227; điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. **Về nội dung vụ án**:

Xét về yêu cầu của chị Bùi Thị T xin ly hôn anh Bùi Công H thì thấy: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S nay là xã TS, huyện LS, tỉnh Hòa Bình ngày 28/11/2011 đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh H hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè , đánh đập chị T, chị T khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi. Từ tháng 01/2023 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở KB, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị T không còn tình cảm với anh H. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Công Huynh.

* Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh H có 02 con chung Bùi Thị Như Y, sinh ngày 29/8/2012 và Bùi Hoàng Nh, sinh ngày 05/4/2015. Tại bản tự khai của cháu Bùi Thị Như Y và Hoàng Nh đều có nguyện vọng ở với chị T. Chị T hiện lao động tự do có thu nhập hàng tháng từ 9.000.000 – 10.000.000đồng. Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt nên không thể giao con cho anh H nuôi dưỡng. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại thu nhập của chị T đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con, mặt khác các con đều có nguyện vọng ở với chị Tin nên giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con Bùi Thị Như Y và Bùi Hoàng Nh cho đến khi

các con đủ 18 tuổi theo quy định tại điều 58, Điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con nên không xem xét.

* Về tài sản chung : Không có – Không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

* Về công nợ chung: Không có.

* Về án phí*:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điểm b khoản 2 điều 227; điều 228; điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 53; khoản 1 điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Thị T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Bùi Công H.

2. Về con chung: Giao chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Bùi Thị Như Y, sinh ngày 29/8/2012 và Bùi Hoàng Nh, sinh ngày 05/4/2015. Chị Bùi Thị T chưa yêu cầu anh Bùi Công H cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Anh Bùi Công H có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Chị T, anh H đều có quyền xin thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có.

4. Về công nợ chung: Vợ chồng không có.

5. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ

(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 000540 ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Công H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện LS:
- THADS huyện LS;
- UBND xã TS;
- Các ĐS;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Mai